

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2025/HS-ST**

Ngày: 16 - 8 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Bá Sang**

Bà **Trần Thị Đông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hiệp** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Duy K**, sinh ngày 01/10/1989 tại huyện P, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn Đ, xã C, thành phố Đà Nẵng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Phi H (chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1953; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/02/2020, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, chấp hành xong án treo ngày 14/02/2022; ngày 04/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 18/9/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/6/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Tam Kỳ. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Ông **Đỗ Phú H**, sinh năm 1969; địa chỉ: Khối phố 7, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Huỳnh Thị Thúy V**, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông **Lê Tấn L**, sinh năm 1973; địa chỉ: Khối phố M, phường B, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố 5, phường C, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1973; địa chỉ: Khối phố P, phường B, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông **Nguyễn S**, sinh năm 1969; địa chỉ: Khối phố X, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên trong 02 ngày 24/3/2025 và 29/3/2025, Lê Duy K đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T, như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 16 giờ 30 phút ngày 24/3/2025, K đi bộ vào kiệt 495 đường P thuộc khối phố 9, phường A, thành phố T để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đến trước một ngôi nhà đang thi công K thấy một chiếc xe mô tô hiệu Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát 93B1-17971 của ông Nguyễn Văn T (*sinh năm 1984, trú thôn H, xã T, thành phố T*) dựng phía trước, cách vị trí ông T làm việc khoảng 05m, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa xe. Lợi dụng lúc vắng người, K ngồi lên xe, mở khóa, nổ máy và điều khiển xe đến tiệm sửa xe Q tại khối P, phường H, thành phố T gặp ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 là chủ tiệm. K hỏi mượn tiền, anh C đồng ý và đưa cho K 800.000 đồng, K trả nợ ông C 500.000 đồng tiền mượn trước đó, lấy 300.000 đồng và để lại xe mô tô. Khoảng 03 ngày sau, K đến gặp ông C mượn thêm 02 lần tiền tổng cộng 400.000 đồng (*01 lần 350.000 đồng, 01 lần 50.000 đồng*). Ngày 02/4/2025, K quay lại mở cốp xe thì phát hiện có giấy đăng ký xe, K nói với ông C là xe của mẹ K và muốn bán, ông C đồng ý mua và đưa thêm cho K 200.000 đồng. Tổng số tiền bán xe mô tô cho ông C 1.400.000 đồng, K dùng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29/3/2025, K đi bộ quanh khu vực chợ T để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đến trước số nhà 19 đường P, phường A, thành phố T, K nhìn thấy một chiếc xe mô tô hiệu Suzuki màu đen, biển kiểm soát 92N4 - 1699 của ông Đỗ Phú H, sinh năm 1969 để trước nhà, tại vị trí ổ khóa của xe có cắm chìa khóa. K dắt xe ra rồi ngồi lên mở khóa, nổ máy, điều khiển xe về nhà tại thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam cất giấu. Khi phát hiện mất xe, lúc 10 giờ 45 phút ngày 30/3/2025 ông H đến Công an phường A trình báo sự việc. Khoảng 13 giờ 30 phút, K điều khiển xe xuống thành phố T tìm chỗ bán xe, khi đang đi trên đoạn đường Đ thuộc phường A, thành phố T thì bị Tổ công tác của Công an phường A phát hiện dừng xe kiểm tra. K khai nhận xe mô tô đang sử dụng là do trộm cắp mà có.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của Lê Duy K 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đen, biển kiểm soát 92N4-1699. Nguyễn Văn C giao nộp: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát 93B1-17971; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H. 01 (một) đĩa DVD maxell MQ có nội dung ghi lại hình ảnh vụ trộm xe máy tại nhà ông Đỗ Phú H.

Tại kết luận định giá tài sản số 1549/KL-HĐĐGTS ngày 24/4/2025 và số 1621/KL-HĐĐG ngày 26/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Nam kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xanh đen, biển kiểm

soát 93B1-17971 tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 24/3/2025 có giá trị 5.300.000 đồng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đen, biển kiểm soát 92N4-1699 tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 29/3/2025 có giá trị 3.300.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSKV5-HS ngày 30/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Duy K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước luận tội, giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố về tội danh, điểm, khoản, điều luật đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Lê Duy K từ 15 đến 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận ý kiến cá nhân của ông Nguyễn Văn C về việc không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.400.000 đồng. Đề nghị xử lý vật chứng theo như nội dung Cáo trạng đã đề cập.

Bị cáo Lê Duy K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, các bị hại ông Đỗ Phú H, ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thúy V, ông Lê Tấn L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn S vắng mặt; xét việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Duy K thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong hai ngày 24/3/2025 và 29/3/2025, trên địa bàn thành phố T, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Lê Duy K đã lén lút thực hiện 02 vụ trộm cắp, chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát 93B1-17971, trị giá 5.300.000 đồng; chiếm đoạt của ông Đỗ Phú H 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đen, biển kiểm soát 92N4-1699, trị giá 3.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Duy K đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung*

năm 2017) như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Duy K là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*” nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Về nhân thân: Ngày 14/02/2020, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”; ngày 04/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng. Những tình tiết này được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh gia đình, công việc, thu nhập hiện tại của bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T và ông Đỗ Phú H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn C yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.400.000 đồng, tuy nhiên tại đơn đề ngày 09/8/2025 ông Nguyễn Văn C không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.400.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì, xét nội dung không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.400.000 đồng của ông Nguyễn Văn C là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không xem xét về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo trong vụ án.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu đen, biển kiểm soát 92N4-1699: xe này của ông Nguyễn S là chủ sở hữu; năm 2023 ông S bán xe cho ông Lê Tấn L; ngày 15/01/2024, ông L bán lại cho ông Đỗ Phú H; ông S, ông L không có yêu cầu gì đối với chiếc xe nên Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô trên cho ông H là phù hợp.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát 93B1-17971: xe này của bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu; ngày 14/7/2016, bà H làm hợp đồng ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Thúy V (vợ ông Nguyễn Văn T) có quyền quản lý, sử dụng, định đoạt chiếc xe trên theo quy định của pháp luật. Xe này là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông T, bà V nên Cơ quan điều tra trả lại giấy đăng ký xe và xe mô tô trên cho vợ chồng ông T là phù hợp.

- Đối với 01 (một) đĩa DVD maxell MQ có nội dung ghi lại hình ảnh vụ trộm xe máy tại nhà ông Đỗ Phú H là tài liệu, chứng cứ liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu hồ sơ vụ án.

[8] Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn C mua lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát 93B1-17971 do bị cáo đưa ra thông tin gian dối nên ông C không biết đây là xe do trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Duy K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Duy K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo Lê Duy K 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 05/6/2025.

2. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Duy K phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 16/8/2025*); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân t/p Đà Nẵng;
- Phòng PV06 Công an t/p Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự t/p Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Minh Tân

